

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 14
H: 4

Môn học: Anh văn 1 (22400314)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 18

Phòng thi: B101

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/3/24

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn Ngọc Trọng V. T. Q. A.B. Trần T. A. Hùng

Phạm Thị Ngọc
Ng. Hà Thanh
Vào Phul
Nguyễn Thị Phương Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170211	Vũ Đức	Chuyên	15/07/2005	CCQ2317G	485	Chuyên	4.3	Chuyên	1.1	2.7	7.6	4.7	
2	2123120657	Hà Thanh Duy	Điện	01/02/2002	CCQ2312K	357	Điện	6.4	Điện	6.3	6.4	7.7	6.9	
3	2123170274	Lê	Doãn	03/05/2005	CCQ2317H	485	Doãn	3.2	Doãn	3.6	3.4	7.2	4.9	
4	2123170240	Lê Hữu Anh	Duy	17/10/2005	CCQ2317G	357	Duy	6.8	Duy	1.1	4.0	8.2	5.7	
5	2123170249	Trần Văn Bảo	Duy	13/11/2005	CCQ2317H	485	Duy	5.9	Duy	7.3	6.6	7.7	7.0	
6	2123170233	Nguyễn Việt	Hải	08/01/2005	CCQ2317G	132	Hải	6.2	Hải	3.2	4.7	7.1	5.7	
7	2123170224	Nguyễn Văn	Hào	10/04/2005	CCQ2317G						CT	0.0		
8	2123170217	Nguyễn Văn	Hậu	21/07/2005	CCQ2317G	209	Hậu	5.1	Hậu	0.0	2.6	7.2	4.4	
9	2121170126	Đỗ Trung	Hiếu	10/05/2003	CCQ2117D	209	Hiếu	8.1	Hiếu	7.9	8.0	6.9	7.6	
10	2123170253	Dương Thái	Hoà	01/03/2005	CCQ2317H							3.9		
11	2123170226	Võ Văn	Hoàng	03/10/2005	CCQ2317G	209	Hoàng	6.7	Hoàng	7.0	6.9	7.8	7.3	
12	2123170214	Lão Văn	Hùng	01/02/2005	CCQ2317G	132	Hùng	7.9	Hùng	7.2	7.6	9.6	8.4	
13	2123170260	Nguyễn Hùng	Huy	26/04/2005	CCQ2317H							3.8		
14	2123170216	Trần Đào Gia	Huy	29/05/2005	CCQ2317G	485	Huy	6.4	Huy	8.4	7.4	8.0	7.6	
15	2123170212	Võ Nhi	Khang	06/02/2005	CCQ2317G	209	Khang	5.1	Khang	8.1	6.6	7.3	6.9	
16	2123170222	Phạm Minh	Khôi	11/04/2005	CCQ2317G	132	Khôi	4.5	Khôi	5.5	5.0	3.2	4.3	
17	2123170244	Trần Nguyễn	Kiên	09/10/2005	CCQ2317G							5.0		
18	2123170264	Lý Thanh	Kiệt	11/04/2005	CCQ2317H	132	Kiệt	5.8	Kiệt	4.4	5.1	8.1	6.3	
19	2123170227	Phan Tấn	Lam	03/10/2005	CCQ2317G						CT	0.0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400314)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 18

Phòng thi: B101

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/24

Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45

Số bài thi:

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi:

Nguyễn Ngọc Trọng T. Q. A8

Trần Thị Hùng

Trần Thị Hùng

Trần Thị Hùng

Trần Thị Hùng

Trần Thị Hùng

Ng. Hà Thanh Vân Ng. T. P. Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123170236	Lê Tấn	Lương	02/06/2005	CCQ2317G	357	2	5.8	3	3.7	4.8	6.3	5.4	
21	2123170221	Cao Hoài	Lương	30/06/2005	CCQ2317G	485	Lương	5.2	Lương	5.4	5.3	5.8	5.5	
22	2123170256	Lê Ba	Minh	09/06/2005	CCQ2317H						CT	0.0		
23	2123170278	Nguyễn Nhật	Nam	01/10/2005	CCQ2317H	485	Nam	7.5	Nam	5.9	6.7	8.0	7.2	
24	2123170262	Nguyễn Văn	Nguyễn	26/05/2005	CCQ2317H	357	V	5.7	V	6.4	6.1	8.3	7.0	
25	2121110332	Hồ Trung	Nhân	12/05/2003	CCQ2111J						CT	0.0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

[Signature]
Đ. H. Tân

Cán bộ coi thi 2

[Signature]
V. M. Hùng

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

[Signature]
Nguyễn Minh Tuấn

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

[Signature]
Nguyễn Thị Nguyệt Hòa

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

[Signature]
N. T. Nguỵ

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

[Signature]
Lê Thị Thanh Thảo

Môn học: Anh văn 1 (22400315)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 18

Phòng thi: B102

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Số SV có mặt: 17

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 0

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 0

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2121170404	Nguyễn Hữu Hồng	Anh	31/08/2003	CCQ2117L	357	Anh	4,7	Anh	3,1	3,9	7,2	5,2	
2	2123170328	Nguyễn Duy	Bảo	09/06/2005	CCQ2317J	209	<i>[Signature]</i>	6,2	<i>[Signature]</i>	7,5	6,9	7,4	7,1	
3	2123170292	Thần Văn	Chiến	28/01/2005	CCQ2317I							0,0		
4	2123170314	Nguyễn Thành	Dạt	24/10/2005	CCQ2317I							0,0		
5	2122110397	Phạm Minh	Dạt	08/07/2003	CCQ2211K							0,0		
6	2122170588	Nguyễn Trần	Duy	06/08/2004	CCQ2211K	209	Duy	5,8	Duy	5,1	5,5	7,7	6,4	
7	2123170336	Nguyễn Văn Chi	Hào	22/09/2003	CCQ2317J	132	Hào	7,8	Hào	5,0	6,4	8,6	7,3	
8	2123170342	Nguyễn Xuân	Hào	17/11/2005	CCQ2317J	485	Hào	5,5	Hào	5,5	5,5	5,7	5,6	
9	2123170345	Đào Văn	Hoan	10/06/2005	CCQ2317J	357	Hoan	6,2	Hoan	5,5	5,9	6,6	6,2	
10	2122110514	Hoàng Văn	Huỳnh	21/07/2004	CCQ2211L							0,0		
11	2123170299	Ngô Hữu	Kha	31/05/2005	CCQ2317I							0,0		
12	2123170332	Nguyễn Quốc	Kha	06/04/2005	CCQ2317J	485	Kha	4,9	Kha	5,0	5,0	6,2	5,5	
13	2123170351	Nguyễn Thanh	Khang	09/08/2005	CCQ2317J	209	Khang	6,7	Khang	5,7	6,2	6,0	6,1	
14	2123170316	Lê Anh	Khôi	22/10/2005	CCQ2317I	357	Khôi	7,0	Khôi	5,3	6,2	7,0	6,5	
15	2123170296	Nguyễn Hoàng	Khuong	26/05/2005	CCQ2317I	485	Khuong	5,7	Khuong	0	2,9	4,2	3,4	
16	2122110481	Nguyễn Văn	Lai	04/10/2004	CCQ2211L	132	Lai	8,2	Lai	6,4	7,3	9,2	8,1	
17	2122150041	Thái Văn	Lâm	23/08/2004	CCQ2211L	209	Lâm	9,1	Lâm	5,0	7,1	7,6	7,3	
18	2123170306	Lê Trần Nhật	Long	23/07/2005	CCQ2317I							0,0		
19	2123170305	Nguyễn Tiểu	Long	06/07/2005	CCQ2317I	132	Long	7,2	Long	7,0	7,1	7,8	7,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

②

C-Hoà

Môn học: Anh văn 1 (22400315)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 18

Phòng thi: B102

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1

P.H. Hiệp

Cán bộ coi thi 2

L.M. Mỹ

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

Nguyễn Minh Tiến

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

Nguyễn Thị Nguyệt Hòa

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

N.T. Nam

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

Lê Thị Thanh Thái

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123170348	Nguyễn Trương Công	Lục	28/10/2005	CCQ2317J	485	<i>Lục</i>	6,3	<i>Lục</i>	3,5	4,9	6,6	5,6	
21	2123170281	Dur Hùng	Manh	18/03/2005	CCQ2317I	357	<i>Manh</i>	4,5	<i>Manh</i>	0,5	2,5	5,2	3,6	
22	2123170343	Lê Nhựt	Minh	20/04/2005	CCQ2317J	209	<i>Minh</i>	3,1	<i>Minh</i>	5,2	4,2	6,8	5,2	
23	2123170289	Phạm Thanh	Nam	16/07/2005	CCQ2317I	132	<i>Phạm Thanh</i>	4,8	<i>Phạm Thanh</i>	0,9	2,9	4,7	3,6	
24	2123170300	Trần Duy	Nhựt	30/05/2005	CCQ2317I	485	<i>Trần Duy</i>	4,8	<i>Trần Duy</i>		0,0	5,0	2,0	
25	2122170459	Nguyễn Hoàng	Phát	10/09/2004	CCQ2217L							0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400316)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 14:45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 19

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Đ: 17

H: 02

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú	
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm					
1	2123170410	Đoàn Tri	Cường	25/03/2005	CCQ2317L	132		5.5		5.8	5.7	8,6	6,9	
2	2123170420	Phạm Tiến	Dương	11/02/2005	CCQ2317L	209		4.9		1.0	3.0	6,7	4.5	
3	2122270056	Trần Thị Hương	Giang	30/10/2004	CCQ2227B	357		5.9		4.5	5.2	8,2	6.4	
4	2123170411	Nguyễn Sỹ	Giáp	06/01/2005	CCQ2317L	485		7.3		6.9	7.1	8,2	7.5	
5	2122170108	Nguyễn Văn	Hậu	18/02/2004	CCQ2217C	432		7.2		8.5	7.9	9,7	8.6	
6	2123170388	Huỳnh Tân	Hiền	11/11/2005	CCQ2317L						CT	0,0	0,0	
7	2123170381	Trần Hoàng Trọng	Hiếu	31/10/2005	CCQ2317K	357		6.1		5.8	6.0	7,3	6.5	
8	2123170372	Nguyễn Quang	Hoài	11/12/2005	CCQ2317K	485		6.4		6.9	6.7	5,2	6,1	
9	2123170405	Phạm Huy	Hoàng	23/09/2004	CCQ2317L						CT	0,0	0,0	
10	2123170417	Dương Văn	Hợp	12/04/2005	CCQ2317L	209		5.0		5.9	5.5	8,1	6.5	
11	2123170357	Đào Trung	Khánh	11/11/2005	CCQ2317K	357		6.1		7.2	6.7	6,2	6.5	
12	2123170401	Nguyễn Minh	Khôi	28/01/2005	CCQ2317K	485		7.0		4.5	5.8	4,8	5.4	
13	2123170356	Nguyễn Quốc	Kiệt	21/03/2005	CCQ2317K	132		5.2		3.4	4.3	8,7	6.1	
14	2123170403	Hồ Nhật Duy	Lâm	21/09/2005	CCQ2317L	209		6.1		4.9	5.5	8,0	6.5	
15	2123170396	Nguyễn Quang	Linh	18/07/2004	CCQ2317L	357		4.2		4.2	4.2	7,8	5.6	
16	2122050133	Đỗ Văn Ngọc	Lưu	20/01/2004	CCQ2205D	485		5.1		7.3	6.2	6,8	6.4	
17	2123170373	Tư Quang	Minh	24/10/2004	CCQ2317K						CT	0,0	0,0	
18	2122170446	Nguyễn Bá	Nghiệp	08/04/2004	CCQ2217L	209		4.8		3.2	4.0	7,2	5.3	
19	2123170355	Quách Văn	Nhân	23/09/2005	CCQ2317K	357		6.4		3.8	5.1	6,1	5.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

③
C. Hoàng

Môn học: Anh văn 1 (22400316)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B103

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D6-32

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

T. Thảo

2
L. X. L.

Trần Thị Thảo

Trần Thị Thảo

Trần Thị Thảo

Nguyễn Thị Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2122100206	Trần Thị Huỳnh	Như	26/05/2004	CCQ2210F	485	Như	7.2	Như	7.0	7.1	6.5	6.9	
21	2123170353	Nguyễn Văn	Như	23/06/2005	CCQ2317K	132	Như	7.4	Như	8.0	7.7	8.2	7.9	
22	2122170440	Lục Đình Vinh	Phong	27/11/2004	CCQ2217K	209	Phong	4.6	Phong	1.3	3.0	7.0	4.6	
23	2122260120	Phan Vĩnh	Phú	09/07/2004	CCQ2211L						CT	0.0	0.0	
24	2123170358	Đào Công Vũ	Phúc	06/04/2003	CCQ2317K						CT	0.0	0.0	
25	2123170412	Huỳnh Bảo	Phúc	21/01/2004	CCQ2317L						CT	0.0	0.0	
26	2123170406	Mai Anh	Quân	16/08/2005	CCQ2317L						CT	0.0	0.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400319)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B104

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123100203	Vũ Thị Kim	Anh	15/11/2004	CCQ2310F					CT	0,0	/	
2	2123100174	Thạch Thị Trúc	Đào	20/10/2005	CCQ2310E	485	77	78	78	78	8,3	80	
3	2123100188	Đỗ Thị	Doanh	12/01/2005	CCQ2310F	132	55	84	70	70	8,2	75	
4	2123120163	Trần Hữu	Đức	28/06/2005	CCQ2312C	209	60	32	46	46	4,8	47	
5	2123120209	Lê Hoàng	Dương	07/03/2005	CCQ2312D	357	52	65	59	59	7,5	65	
6	2123120525	Trần Ngọc	Đương	10/07/2005	CCQ2312C					CT	0,0	/	
7	2123120124	Trương Thị	Duy	25/09/2005	CCQ2312C	485	57	76	67	67	8,4	74	
8	2123120141	Đào Thị Ngọc	Hà	27/12/2005	CCQ2312C	132	68	62	65	65	7,7	70	
9	2123120213	Phan Thị Thủy	Hậu	20/07/2005	CCQ2312D	485	66	78	72	72	9,0	79	
10	2123120503	Trương Ngọc	Hùng	22/07/2004	CCQ2312D					CT	0,0	/	
11	2123100211	Tăng Hoài	Hưng	17/01/2005	CCQ2310F	357	67	75	71	71	8,7	77	
12	2123100191	Hàm Thị Bích	Hương	18/04/2005	CCQ2310F	209	40	79	60	60	7,2	65	
13	2123100210	Ngô Thị Mỹ	Huyền	15/10/2005	CCQ2310F	132	65	72	69	69	8,1	74	
14	2123120120	Lê Chi	Khan	10/11/2005	CCQ2312C	485	59	83	71	71	6,5	69	
15	2123120148	Nguyễn Ngọc Đoàn	Khanh	29/06/2005	CCQ2312C	357	85	73	79	79	9,2	84	
16	2123120133	Nguyễn Ngọc	Khánh	09/11/2005	CCQ2312C					CT	0,0	/	
17	2123120552	Nguyễn Trọng	Khoa	11/10/2004	CCQ2312D					/	3,3	1,3	
18	2123100202	Trần Đình	Kiên	08/07/1999	CCQ2310F	132	67	79	73	73	7,9	75	
19	2123120204	Dương Bội	Linh	18/09/2005	CCQ2312D	209	86	86	86	86	9,4	89	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400319)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 20

Phòng thi: B104

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Số SV có mặt:

Giờ thi: 9h45

Số bài thi:

Phòng thi: D5-29

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123120685	Đặng Thị Lợi	26/06/2004	CCQ2312D	357		84		73	79	9,1	84	
21	2123120138	Đỗ Tấn Lượng	04/07/2005	CCQ2312C	485		51		63	57	6,4	60	
22	2123120123	Mai Quang Minh	14/06/2005	CCQ2312C	132		97		85	91	9,7	93	
23	2123100189	Lê Ngọc Trà My	02/03/2005	CCQ2310F	357		65		60	63	7,1	66	
24	2123120105	Nguyễn Khánh My	18/08/2005	CCQ2312C	209		77		75	76	8,3	79	
25	2123100205	Phạm Thị Nhật My	01/02/2005	CCQ2310F	485		79		86	83	8,6	84	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

D. 19
N. C2

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400320)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 7g30 Số bài thi: 21

Phòng thi: B105 Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024 Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 1

Phòng thi: D5-28 Số tờ giấy thi: 1

Frank
TT Kiên

Vũ T. Hiền

Nguyễn Hà Thanh Vân
Hong Thang Hoang

Phuong Thi Hiep

N. N Châu

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123120384	Phan Tuấn Anh	25/11/2005	CCQ2312G							5,7	2,3	
2	2123120430	Nguyễn Thành Công	02/04/2005	CCQ2312H	132	Công	3,3	Công	3,8	3,6	6,6	4,8	
3	2123120351	Trần Tiên Đạt	04/06/2005	CCQ2312G	209	Đạt	4,2	Đạt	5,0	4,6	7,2	5,6	
4	2123120362	Đỗ Thị Thủy	12/12/2005	CCQ2312G	357	Thủy	7,6	Thủy	7,5	7,6	8,5	8,0	
5	2123120445	Hồ Thị Kim Dung	18/06/2005	CCQ2312H	485	Dung	6,6	Dung	7,1	6,9	7,2	7,0	
6	2123200666	Lê Thị Thủy Dung	14/03/2005	CCQ2320G	132	Thủy	7,0	Thủy	6,3	6,7	6,8	6,7	
7	2123120353	Hồ Thị Dương	21/08/2005	CCQ2312G							0,0		
8	2123120436	Tô Thị Mỹ Duyên	26/03/2005	CCQ2312H	357	Duyên	4,9	Duyên	7,0	6,0	6,4	6,2	
9	2122170076	Nguyễn Nhật Hào	10/02/2004	CCQ2212N	485	Hào	6,6	Hào	7,6	7,1	7,6	7,3	
10	2123200654	Nguyễn Thị Hoa	13/01/2004	CCQ2320G	132	Hoa	8,4	Hoa	6,1	7,3	6,7	7,1	
11	2123200637	Lê Thị Mỹ Hoài	17/11/2005	CCQ2320G	209	Hoài	4,6	Hoài	3,3	4,0	6,9	5,2	
12	2123200727	Phan Bảo Huy	18/03/2005	CCQ2320G	357	Huy	6,0	Huy	5,1	5,6	6,0	5,8	
13	2123200702	Lưu Ngọc Khuê	08/11/2005	CCQ2320G							0,0		
14	2123240147	Hồ Thị Yên Khuyến	16/03/2005	CCQ2312H							0,0		
15	2123120376	Nguyễn Hồng Lam	22/10/2005	CCQ2312G	209	Lam	5,7	Lam	7,7	6,7	8,0	7,2	
16	2121200008	Bùi Thị Mỹ Linh	17/09/2003	CCQ2120A	357	Linh	6,9	Linh	6,9	6,9	6,3	6,7	
17	2123120420	Châu Tuyền Linh	30/06/2005	CCQ2312H	485	Linh	4,0	Linh	3,9	4,0	5,2	4,5	
18	2123120424	Phạm Thành Lộc	14/07/2003	CCQ2312H	132	Lộc	7,8	Lộc	7,4	7,6	9,1	8,2	
19	2123200674	Bùi Thành Luân	07/02/2003	CCQ2320G							0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Đinh
Đ.T. Kiên

Cán bộ coi thi 2

Sh.
Khi T. Huân

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

Nguyễn Hà Thanh Vân

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Hồng Thăng Hoàng

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Phạm Thị Hoàng

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Phạm Thị Hoàng
N.N. Châu

⑤
T. Hoàng

Môn học: Anh văn 1 (22400320)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 21..

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 21..

Phòng thi: B105

Số tờ giấy thi: 21..

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D5-28

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123200647	Trần Thanh Trúc Ly	02/02/2005	CCQ2320G							0,0		
21	2123200679	Huỳnh Thị Xuân Mai	24/06/2005	CCQ2320G	485	Nai	6,1	Mai	4,1	5,1	6,6	5,7	
22	2123120368	Nguyễn Hoàng	19/11/2005	CCQ2312G							0,0		
23	2123120422	Huỳnh Thị Hồng Ngân	01/08/2005	CCQ2312H	309	Ngan	5,8	Ngan	5,7	5,8	6,9	6,2	
24	2123120447	Trần Thị Như Nguyễn	22/01/2004	CCQ2312H	357	Nguyễn	8,0	Nguyễn	7,3	7,7	9,2	8,3	
25	2123200711	Bùi Tuệ Nhi	30/03/2005	CCQ2320G	485	Tue	6,8	Tue	6,8	6,8	8,5	7,5	
26	2123120413	Hoàng Thị Yến Nhi	11/11/2005	CCQ2312H	132	Chị	6,7	Chị	8,0	7,4	6,4	7,0	
27	2122210093	Lê Phương	07/01/2004	CCQ2221C	209	Pho	6,9	Pho	6,6	6,8	7,9	7,2	
28	2123120459	Nguyễn Ngọc Bình Nhi	30/11/2005	CCQ2312H	357	Nhi	4,9	Nhi	5,5	5,2	5,9	5,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400323)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B106

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-26

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

G. Viên chấm thi 1

G. Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123200383	Nguyễn Hữu Nhất	Anh	12/04/2005	CCQ2320D	357	6,5	5,5	6,0	6,0	6,0	6,0	
2	2122110356	Trần Gia	Bào	03/12/2004	CCQ2211I	485	4,8	7,2	6,0	6,0	6,3	6,1	
3	2123200255	Nguyễn Đức	Chinh	02/08/2005	CCQ2320C	132	7,0	5,0	6,0	6,0	6,2	6,1	
4	2123200274	Đào Nhất	Duy	25/05/2005	CCQ2320C	209	7,3	3,3	5,3	5,3	6,3	5,7	
5	2123200280	Nguyễn Thành	Giang	23/09/2004	CCQ2320C	357	4,3	3,5	3,5	3,5	5,5	4,5	
6	2123200283	Lê Hoàng Bảo	Hà	16/06/2005	CCQ2320C	485	5,3	4,3	4,8	4,8	6,0	5,3	
7	2123200256	Mai Gia	Hân	24/11/2005	CCQ2320C	132	6,7	7,7	7,2	7,2	6,0	6,7	
8	2123200346	Huỳnh Thị Minh	Hòa	01/03/2005	CCQ2320D	209	5,1	4,4	4,8	4,8	5,9	5,2	
9	2123200235	Vô Thu	Hoài	30/06/2005	CCQ2320C	357	4,6	4,0	4,3	4,3	6,0	5,0	
10	2122100007	Phan Thị	Lan	20/09/2002	CCQ2220F	485	8,3	7,7	8,0	8,0	8,8	8,3	
11	2123200348	Phạm Thị Kim	Mến	02/09/2005	CCQ2320D	132	4,7	4,0	2,5	2,5	6,0	4,1	
12	2123110196	Đoàn Ngọc Thảo	My	12/12/2005	CCQ2320C						0,0		
13	2123200342	Hoàng Thị Quỳnh	Nga	24/05/2005	CCQ2320D	357	4,7	6,0	5,4	5,4	6,0	5,6	
14	2122100059	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	27/10/2004	CCQ2210B	132	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	
15	2123200373	Nguyễn Lê	Nghiêm	09/09/2005	CCQ2320D						0,0		
16	2123200345	Lê Bảo	Ngọc	06/07/2005	CCQ2320D	209	6,8	7,9	7,4	7,4	7,6	7,5	
17	2123200380	Hồ Võ Khánh	Nguyễn	27/02/2005	CCQ2320D	357	4,9	6,0	5,5	5,5	6,0	5,7	
18	2123200282	Trần Thị Thanh	Nguyễn	16/05/2004	CCQ2320C	485	3,8	3,5	3,7	3,7	5,9	4,6	
19	2123200341	Nguyễn Thị	Nhánh	10/12/2005	CCQ2320D	132	5,3	4,2	4,8	4,8	6,1	5,3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400323)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 22

Phòng thi: B106

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 22

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 22

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123200264	Nguyễn Thị Yến	Nhi	17/07/2003	CCQ2320C	209	Nhi	4,6	8,5	6,6	6,2	6,4	
21	2122200141	Lê Thị Hồng	Nhung	29/06/2004	CCQ2220E	357	Nhung	5,6	4,1	4,9	8,4	6,3	
22	2123200340	Đinh Trần Tiêu	Ni	21/04/2005	CCQ2320D	485	Ni	5,4	5,4	5,4	6,0	5,6	
23	2123200378	Trần	Phú	15/08/2005	CCQ2320D	132	Phú	5,5	3,5	4,5	5,5	4,9	
24	2123200202	Đặng Thị Bích	Phượng	10/11/2005	CCQ2320C	209	Phượng	6,2	7,0	6,6	7,6	7,0	
25	2123200648	Châu Phước	Sang	11/11/2003	CCQ2320G						0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

A: 16
H: 2

Cán bộ coi thi 1
Linh N. Kh

Cán bộ coi thi 2
Bùi Thị Huệ

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết
ThS. Trần Thị Ái Hoa

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết
Phạm Văn Mạnh

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp
Phạm Văn Mạnh

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp
Cái Minh Tâm

T. Mạnh

Môn học: Anh văn 1 (22400326)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B107

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D5-30

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123120321	Nguyễn Hoài An	06/09/2005	CCQ2312E							0,0		
2	2123120281	Lê Thị Vân	13/03/2005	CCQ2312E	357	Anh	7,2	Anh	7,0	7,1	7,3	7,2	
3	2123120261	Phan Thị Ngọc	27/06/2005	CCQ2312E							0,0		
4	2123270063	Đặng Thị Ngọc	13/06/2005	CCQ2327B	132	Ng	4,8	Ng	8,4	6,6	7,7	7,0	
5	2123130009	Nguyễn Tổng Khánh	13/10/2005	CCQ2313A	209	Chi	7,0	Chi	6,4	6,7	6,9	6,8	
6	2123120576	Trần Thị Ngọc	09/01/2005	CCQ2312E	357	Điền	5,6	Điền	5,3	5,5	8,8	6,8	
7	2123120326	Phạm Anh	13/03/2005	CCQ2312E	485	Ph	4,7	Ph	3,0	3,9	5,5	4,5	
8	2123270041	Trần Thị Thuý	19/10/2005	CCQ2327B	357	Thuý	7,2	Thuý	9,2	8,2	7,9	8,1	
9	2123270143	Lý Thị Thu	11/12/2004	CCQ2327B	209	Th	5,6	Th	6,1	5,9	7,6	6,6	
10	2123270020	Hà Thị Da	09/10/2005	CCQ2327A	132	Hàn	3,8	Hàn	4,7	4,5	7,6	5,6	
11	2123120232	Tạ Xuân	05/10/2004	CCQ2312E							0,0		
12	2123270057	Hồ Xuân	12/09/2005	CCQ2327B	357	Hoa	6,6	Hoa	7,5	7,1	6,3	6,8	
13	2123120226	Trần Đình Khánh	28/06/2005	CCQ2312E	209	Huyền	2,8	Huyền	3,0	2,9	5,7	4,0	
14	2123270009	Trần Dương	16/09/2005	CCQ2327A	132	Khang	4,8	Khang	5,0	4,9	5,1	5,0	
15	2123270037	Nguyễn Văn	23/02/2003	CCQ2327B	209	Minh	6,3	Minh	9,0	7,7	7,3	7,5	
16	2123120240	Vân Nguyễn Phương	28/08/1996	CCQ2312E							0,0		
17	2123270042	Cao Thị	08/03/2005	CCQ2327B	485	Cao	5,8	Cao	9,0	7,4	6,4	7,0	
18	2123270008	Võ Thị Thanh	30/03/2005	CCQ2327A	357	Ngân	5,3	Ngân	7,3	6,3	6,5	6,4	
19	2123120687	Bùi Quang	01/01/2004	CCQ2312E							0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400326)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 18

Phòng thi: B107

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024 Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 9h45 Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-30 Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1

Sm
khu n. Sm

Cán bộ coi thi 2

luc
Bui Thi Luc

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

ThS. Trần Thị Ai Hương

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Phạm Văn Thi

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Phạm Văn Thi

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Có: Trần Thanh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123120223	Đào Trung Nghĩa	12/08/2005	CCQ2312E							0,0		
21	2123120265	Phạm Thị Kim	14/05/2005	CCQ2312E							0,0		
22	2123270046	Trần Thị Tuyết	02/03/2005	CCQ2327B	485	Nhân	5,8	Nhân	7,8	6,8	7,9	7,2	
23	2123120231	Nguyễn Bích	05/11/2005	CCQ2312E	132	Nhi	6,1	Nhi	6,0	6,1	6,9	6,4	
24	2123270062	Trần Thị Yến	20/02/2005	CCQ2327B	132	Yến	5,8	Yến	5,0	5,4	7,4	6,2	
25	2123120230	Trần Thị Mỹ	20/09/2005	CCQ2312E	209	Nhung	5,8	Nhung	2,3	4,1	7,6	5,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 17
H: 01

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị
Chuyên

Cán bộ coi thi 2

Thuy
Lê Phan
Thủy

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết
Đ. T. Thu

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết
N. N. Châu

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp
Nguyễn Văn
Trần

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp
C. Châu
Trần Thị H. Hương

Môn học: Anh văn 1 (22400327)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B108

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123270080	Lê Dương Hoàng	Anh	25/08/2005	CCQ2327C	132	132	7.4	7.7	7.6	8.3	7.9	
2	2121210087	Y Tùng	Bkrông	16/01/2002	CCQ2121C	209	209	4.8	5.0	4.9	6.8	5.7	
3	2121210083	Nguyễn Thị Kim	Cúc	01/11/2003	CCQ2121C	357	357	6.4	5.8	6.1	6.7	6.3	
4	2123270121	Bùi Tường	Dâng	17/01/2003	CCQ2327D	485	485	5.6	6.7	6.2	7.1	6.6	
5	2123270109	Huỳnh Thị Hồng	Diễm	06/06/2005	CCQ2327C	132	132	8.0	8.1	8.1	7.6	7.9	
6	2123270076	Lê Thị Kiều	Diễm	26/02/2005	CCQ2327C	209	209	4.7	5.3	5.0	7.0	5.8	
7	2123270148	Mạc Công	Doanh	24/08/2005	CCQ2327D					CT	0.0		
8	2123270139	Trần Công Khánh	Du	05/02/2005	CCQ2327D					CT	0.0		
9	2122260101	Phạm Minh	Đức	01/05/2002	CCQ2226D	357	357	6.5	7.2	6.9	9.0	7.7	
10	2123270095	Và Anh	Duy	19/07/2005	CCQ2327C					CT	0.0		
11	2123270122	Phạm Thị Mỹ	Duyên	14/03/2005	CCQ2327D					CT	0.0		
12	2123270130	Lê Thị Hồng	Hân	02/12/2005	CCQ2327D	485	485	6.4	8.3	7.4	7.6	7.5	
13	2123270133	Nguyễn Trần Thanh	Hậu	08/03/2005	CCQ2327D	357	357	6.8	7.2	7.0	7.5	7.2	
14	2123270115	Nguyễn Thị Thái	Hiệp	10/04/2005	CCQ2327D	485	485	5.2	6.5	5.9	6.3	6.1	
15	2123270145	A Yün Trung	Hiếu	01/04/2005	CCQ2327D	209	209	5.5	0.0	2.8	5.6	3.9	
16	2123270147	Hồ Sĩ	Hiếu	28/02/2005	CCQ2327D					CT	0.0		
17	2123270125	Nguyễn Hữu	Hiếu	17/01/2005	CCQ2327D	209	209	5.2	2.5	3.9	7.5	5.3	
18	2121210116	Nguyễn Lê Duy	Hưng	13/06/1998	CCQ2121C	485	485	7.9	6.8	7.4	8.8	8.0	
19	2123270127	Nguyễn Đăng	Khoa	16/12/2004	CCQ2327D	132	132	6.8	7.2	7.0	8.6	7.6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400327)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B108

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-27

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị
Thị Ngọc

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn
Thị Ngọc

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết
Phan Thị Ngọc

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết
Nguyễn Thị Ngọc

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp
Nguyễn Thị Ngọc

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp
Trần Thị Ngọc

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123270137	Nguyễn Hoàng	Lanh	06/02/2005	CCQ2327D	132	Lanh	6.9	Lanh	5.7	6.3	8.7	7.3	
21	2123270112	Đinh Thị Mai	Lê	28/10/2005	CCQ2327D	209	Mai	8.6	Mai	6.5	7.6	8.5	8.0	
22	2123270085	Nguyễn Thị Trúc	Linh	30/09/2005	CCQ2327C	132	Linh	6.1	Linh	7.0	6.6	7.2	6.8	
23	2123270071	Nguyễn Cửu	Long	10/03/2000	CCQ2327C						0	0.0		
24	2123270138	Nguyễn Thành	Long	10/01/2004	CCQ2327D						0	0.0		
25	2123270100	Huỳnh Thị Trà	My	04/12/2005	CCQ2327C	357	Tram	5.3	Tram	5.3	5.3	6.9	5.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn ViếtG.Viên chấm thi 2
Môn ViếtG.Viên chấm thi 1
Môn Văn đápG.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400328)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 21

Phòng thi: B109

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Số SV có mặt: 21

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 21

Phòng thi: 1D5-28

Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn Viết

Môn Viết

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Môn Văn đáp

Tô Thi

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Phạm Văn

Nguyễn Thị

Nguyễn Thị

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

9

C. Hương

Môn học: Anh văn 1 (22400328)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B109

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Thi
Tổ Thi
Mỹ Thủy

Phạm Văn Mạnh

ĐD A. Hương

T. Ngọc

Phạm Thị Thu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123030223	Trần Quang	Minh	04/10/2005	CCQ2303G	357	NĐ	8,0	NĐ	6,7	7,4	7,5	7,4	
21	2123030041	Văn Thế	Nghi	05/06/2004	CCQ2303B	132	ky	3,3	ky	4,0	3,7	6,7	4,9	
22	2123030042	Lý Trọng	Nghĩa	08/12/2005	CCQ2303B	209	ng	5,9	ng	7,7	6,8	7,6	7,1	
23	2123030053	Nguyễn Trọng	Nghĩa	02/10/2005	CCQ2303B	357	ng	7,2	ng	7,0	7,1	7,8	7,4	
24	2123030048	Nguyễn Thành	Nhân	24/06/2005	CCQ2303B	485	Nhân	6,4	Nhân	7,3	6,9	7,8	7,3	
25	2123030058	Nguyễn Thành	Nhân	20/05/2005	CCQ2303B	132	ng	4,7	ng	4,8	4,8	5,3	5,0	
26	2123030062	Phan Thành	Phát	12/09/2005	CCQ2303B	209	ph	6,7	ph	5,0	5,9	7,6	6,6	
27	2123030260	Nguyễn Huy	Phú	01/01/2005	CCQ2303G						CT	0,0	0,0	

Đ. 16
H. 04

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

C.Thu

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400337)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 20

Phòng thi: B201

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 14h45

Số bài thi:

Phòng thi: D5-29

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123100125	Võ Trương Thế Khả	Ái	31/12/2005	CCQ2310D	132	7.6	7.6	3.9	4.8	8.2	6.2	
2	2123110318	Lê Bảo Trâm	Anh	09/09/2005	CCQ2311I	209	6.9	6.9	5.3	6.1	8.0	6.9	
3	2123110294	Nguyễn Duy	Bách	25/04/2005	CCQ2311I	357	3.9			6.0	6.0	2.4	
4	2123110304	Nguyễn Trung	Chinh	21/10/2005	CCQ2311I	485	7.9	7.9	7.3	7.6	9.2	8.2	
5	2123110306	Phan Tấn	Đạt	02/02/2005	CCQ2311I	132	5.6	5.6	4.5	5.1	6.9	5.8	
6	2123110348	Mai Thanh	Duy	26/05/2004	CCQ2311I						0.0		
7	2123100305	Lê Thị Phương	Hằng	31/01/2003	CCQ2310D	357	4.9	4.9	4.1	4.5	6.3	5.2	
8	2123100134	Phan Thị Mỹ	Hằng	07/12/2005	CCQ2310D	485	3.5	3.5	2.5	3.0	7.2	4.7	
9	2123110351	Phan Văn	Hoàng	02/11/2004	CCQ2311I	132	7.5	7.5	4.3	5.9	8.1	6.8	
10	2123100130	Đỗ Thị Minh	Huyền	26/11/2005	CCQ2310D	209	6.1	6.1	5.3	5.7	8.5	6.8	
11	2123100307	Nguyễn Thu	Huyền	30/10/2003	CCQ2310D					0.0	0.0	0.0	
12	2123110298	Hồ Nguyễn Thành	Lộc	25/11/2005	CCQ2311I					0.0	0.0	0.0	
13	2123110346	Hồ Xuân	Lợi	29/05/2005	CCQ2311I					0.0	0.0	0.0	
14	2123110514	Hồ Tấn	Lực	25/05/2005	CCQ2311I	209	5.9	5.9	7.0	6.5	6.6	6.5	
15	2123100114	Đoàn Thị	Miễn	12/11/2005	CCQ2310D	357	5.1	5.1	7.8	6.5	8.7	7.4	
16	2123110308	Lê Trần Chinh	Nguyễn	08/12/2005	CCQ2311I	485	8.4	8.4	7.0	7.7	9.3	8.3	
17	2123100117	Đinh Hoàng Thiên	Nhã	27/03/2005	CCQ2310D	132	6.9	6.9	6.0	6.5	8.1	7.1	
18	2123110299	Trần Mậu	Nhân	24/05/2004	CCQ2311I	209	4.7	4.7	3.6	4.2	6.9	5.3	
19	2123100131	Nguyễn Thị Yến	Nhi	28/03/2004	CCQ2310D	357	6.6	6.6	6.9	6.8	8.3	7.4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400337)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 20

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 20

Phòng thi: B201

Số tờ giấy thi: 20

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024 Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45 Số bài thi:

Phòng thi: D5-29 Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123100112	Đặng Thị Mỹ	Ni	17/12/2005	CCQ2310D	485	<i>[Signature]</i>	4.1	<i>[Signature]</i>	1.4	2.8	4.2	3.4	
21	2123110353	Nguyễn Nhật	Phong	17/07/2005	CCQ2311I	132	<i>Phong</i>	6.9	<i>Phong</i>	6.3	6.6	8.6	7.4	
22	2123110311	Nguyễn Đăng	Quang	23/10/2004	CCQ2311I	209	<i>Quang</i>	3.4	<i>Quang</i>	1.6	2.5	6.0	3.9	
23	2123110329	Huỳnh Ngọc	Quốc	25/05/2001	CCQ2311J	485	<i>[Signature]</i>	6.0	<i>[Signature]</i>	3.9	5.0	7.8	6.1	
24	2123110327	Trần Quốc	Thái	12/01/2005	CCQ2311J							0.0		
25	2123110300	Phan Văn	Thành	02/05/2005	CCQ2311I	132	<i>Thành</i>	4.7	<i>Thành</i>	3.2	4.0	7.9	5.6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi
Môn Viết

G. Viên chấm thi
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400339)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 19

Phòng thi: B202

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 19

Phòng thi: D5-27

Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123100087	Trình Thị Diệu	Ái	16/08/1996	CCQ2310C	132	2,1	2,1	5,1	5,6	8,7	6,8	
2	2122170372	Nguyễn Hoàng	Ân	09/12/2004	CCQ2217J	209	4,8	7,7	7,7	6,3	8,4	7,1	
3	2123100082	Dương Thị Huỳnh	Anh	19/03/2005	CCQ2310C	357	5,2	6,1	6,1	5,7	8,3	6,7	
4	2123110520	Nguyễn Lê Kim	Anh	18/06/2005	CCQ2311M	485	7,4	6,9	6,9	7,2	8,4	7,7	
5	2122170366	Nguyễn Duy	Bào	17/02/2004	CCQ2217J	132	6,8	4,2	4,2	5,5	7,2	6,2	
6	2123110524	Nguyễn Thanh	Bình	03/10/2001	CCQ2311M	209	8,2	5,8	5,8	7,0	6,5	6,8	
7	2123110500	Trương Thị Kim	Cúc	04/05/2005	CCQ2311M	357	6,8	6,0	6,0	6,4	8,6	7,3	
8	2123100298	Nguyễn Thị Trúc	Đào	24/05/2005	CCQ2310C	485	8,4	8,1	8,1	8,3	10,0	9,0	
9	2123110515	Lê Quý	Đôn	24/06/2005	CCQ2311M	132	7,8	8,3	8,3	8,1	9,3	8,6	
10	2123110517	Trần Công	Đức	21/06/2002	CCQ2311M	209	9,1	8,2	8,2	8,7	9,8	9,1	
11	2123100257	Hồ Thị Ngọc	Dung	10/06/2005	CCQ2310C	357	8,4	7,9	7,9	8,2	10,0	8,9	
12	2123180086	Nguyễn Tùng	Dương	30/08/2004	CCQ2318C	132	4,5	4,4	4,4	4,5	8,6	6,1	
13	2123100304	Đặng Thị Tường	Duy	25/01/2005	CCQ2310C	485	5,4	6,5	6,5	6,0	8,1	6,8	
14	2123110479	Hoàng Xuân	Hải	09/10/2003	CCQ2311M					0	0,0		
15	2123100089	Nguyễn Thị Nguyệt	Hằng	12/11/2005	CCQ2310C	209	7,8	7,9	7,9	7,9	7,8	7,9	
16	2123100003	Trần Ngọc	Hằng	15/08/2003	CCQ2310C						4,0		
17	2123110508	Lê Nhật	Hào	18/03/2005	CCQ2311M	485	7,8	7,1	7,1	7,5	9,4	8,3	
18	2123110505	Phạm Minh	Hiếu	25/11/2005	CCQ2311M					0	0,0		
19	2123100075	Võ Thị Minh	Hiếu	10/10/2005	CCQ2310C					0	0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400339)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 19

Phòng thi: B202

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 19

Phòng thi: D5-27

Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123110512	Nguyễn Khánh	Hùng	25/11/2005	CCQ2311M	132	Khu	7,2	Khu	6,7	7,0	8,3	7,5	
21	2123100083	Bùi Ngọc Vy	Huyền	30/01/2005	CCQ2310C	209	Huyen	6,7	Huyen	6,9	6,8	7,3	7,0	
22	2122100182	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	28/09/2004	CCQ2210F	357	Huyen	7,1	Huyen	5,3	6,2	8,1	7,0	
23	2123110513	Nguyễn Văn	Khan	22/10/2004	CCQ2311M	485	Khan	7,7	Khan	6,5	7,1	7,9	7,4	
24	2123110501	Nguyễn Vũ	Khuong	08/02/2005	CCQ2311M						CT	0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Thư
CTTU
N.V. Tuấn

Hồng Thăng Hoàng

Phạm Thị Thu

Thạc

Môn học: Anh văn 1 (22400341)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 23

Phòng thi: B203

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 23

Phòng thi: D6-32

Số tờ giấy thi: 23

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123180011	Trần Tấn Bảo	02/04/2005	CCQ2318A	357	Bao	43	Bao	7.5	59	5.6	58	
2	2123180035	Trần Tiến Bình	21/09/2005	CCQ2318A	485	Binh	79	Binh	8.4	82	7.9	81	
3	2123180010	Vô Hoàng Chánh	28/10/1995	CCQ2318A	132	Ch	74	Ch	7.0	72	8.3	76	
4	2123190010	Nguyễn Thị Ánh Cúc	20/09/2004	CCQ2319A	209	Cuc	70	Cuc	6.8	69	5.9	65	
5	2123180055	Huỳnh Văn Hà	04/06/2004	CCQ2318B						0	0.0	/	
6	2123190065	Lê Thị Hào	13/09/2005	CCQ2319B						0	0.0	/	
7	2123190110	Vô Thị Thu Hậu	10/08/2005	CCQ2319C						0	0.0	/	
8	2123190058	Lê Thị Thanh Hiếu	11/07/2005	CCQ2319B						0	0.0	/	
9	2123260035	Nguyễn Trung Hiếu	07/03/2005	CCQ2319C	357	Hieu	55	Hieu	4.2	49	4.7	48	
10	2123190031	Ngô Khánh Huyền	17/08/2005	CCQ2319A						0	0.0	/	
11	2123190086	Nguyễn Tuấn Khang	18/12/2005	CCQ2319C	132	Khang	69	Khang	6.2	66	8.3	73	
12	2123180022	Hồ Trọng Kiên	09/11/2005	CCQ2318A	485	Kien	46	Kien	7.3	60	7.1	64	
13	2123190075	Trần Đặng Thị Xuân Lộc	28/04/2005	CCQ2319C	357	Xuanloc	48	Xuanloc	2.7	38	7.2	52	
14	2123180068	Lê Văn Lương	20/03/2005	CCQ2318B	209	Luan	73	Luan	7.4	74	8.4	78	
15	2123190028	Nguyễn Văn Mạnh	26/04/2005	CCQ2319A	132	Manh	Manh 51	Manh	3.5	43	7.0	54	
16	2123190025	Thiên Nữ Mìnơ	10/09/2005	CCQ2319A	209	Minh	31	Minh	5.5	43	6.3	51	
17	2123190053	Nguyễn Kiều Mỹ	18/12/2005	CCQ2319B	357	My	My 58	My	3.4	46	6.3	53	
18	2123190071	Phạm Thị Hoàng Mỹ	04/07/2005	CCQ2319C	485	My	28	My	40	34	7.7	51	
19	2123190035	Vô Thị Thanh Nga	16/03/2005	CCQ2319A	132	Nga	67	Nga	6.8	68	7.4	70	

12

C.Nân

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400341)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 23

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 23

Phòng thi: B203

Số tờ giấy thi: 23

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Số SV có mặt:

Giờ thi: 9h45

Số bài thi:

Phòng thi: D6-32

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123190113	Huỳnh Lâm Thanh	Ngân	27/06/2005	CCQ2319A	209		94		8.4	89	9.5	91	
21	2123190120	Huỳnh Nguyễn Thảo	Ngân	20/10/2004	CCQ2319B	357		93		8.2	88	9.4	90	
22	2123190064	Lê Hồng	Ngân	23/03/2005	CCQ2319B	209		58		5.9	59	7.7	66	
23	2123190079	Nguyễn Kim	Ngân	26/08/2004	CCQ2319C	132		61		5.6	59	7.7	66	
24	2123190057	Nguyễn Thị Bích	Ngân	02/01/2005	CCQ2319B	485		61		7.5	68	6.3	66	
25	2123190036	Phạm Thị Tuyết	Ngân	25/08/2005	CCQ2319B	357		62		5.8	58	7.6	65	
26	2123190029	Ngô Lê Uyên	Nhi	07/04/2005	CCQ2319A	209		80		8.7	84	9.1	87	
27	2123190040	Lê Hoàng Yến	Như	25/06/2005	CCQ2319B	132		88		6.5	77	9.3	83	
28	2123190119	Bùi Thị Hồng	Nhuân	29/12/2003	CCQ2319A	485		86		7.0	78	9.5	85	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

H: 20
H: 01

13
C. Văn

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400341)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B204

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 21

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

7 Kiệt

Nguyễn Thị
Phan Lê

Nguyễn Hà Thanh Văn

Hồng Thăng Hoàng

Phạm Thị Thu

Nguyễn Thị

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123190042	Trần Thị Hồng Nhung	28/09/2005	CCQ2319B	357	Hùng	7.8	Hùng	5.3	66	7.8	71	
2	2123190032	Từ Nữ Bích Phương	10/10/2004	CCQ2319A	485	Phuoy	3.4	Phuoy	2.7	31	5.9	42	
3	2123190067	Đỗ Hàn Uyên Phương	19/02/2004	CCQ2319B	132	Uyên	7.1	Uyên	6.5	68	4.2	58	
4	2123180009	Lê Anh Quân	15/03/2005	CCQ2318A	209	Quan	7.1	Quan	5.7	64	6.8	66	
5	2123190004	Trần Duy Tân	25/09/2000	CCQ2319A						CT	0.0	/	
6	2123190115	Nguyễn Lê Minh Thư	24/05/2005	CCQ2319B	485	Thư	8.5	Thư	8.6	86	7.3	81	
7	2123190037	Thanh Thị Thái Thương	20/08/2005	CCQ2319B	132	Thương	5.3	Thương	6.3	58	7.1	63	
8	2123190097	Nguyễn Thị Thanh Thúy	19/09/1999	CCQ2319C	209	Thúy	5.2	Thúy	7.3	63	8.2	71	
9	2123190047	Đào Thị Thu Thủy	03/07/2005	CCQ2319B	357	Thủy	8.2	Thủy	7.0	76	9.2	82	
10	2123190114	Trần Thị Thanh Thủy	09/12/2005	CCQ2319B						CT	0.0	/	
11	2123190072	Trình Thị Thủy	11/05/2005	CCQ2319C	132	Thủy	5.9	Thủy	5.5	57	7.6	65	
12	2123190023	Sư Thị Kim Tiên	27/10/2005	CCQ2319A	209	Sư	7.1	Sư	8.4	78	8.8	82	
13	2123190024	Ngô Thị Trà	19/11/2005	CCQ2319A	357	Trà	6.3	Trà	6.1	62	7.6	68	
14	2123190034	Phan Thị Huyền Trang	08/09/2005	CCQ2319A	485	Trang	7.5	Trang	8.2	79	8.8	83	
15	2123190017	Nguyễn Văn Triển	15/01/2004	CCQ2319A	357	Triển	6.3	Triển	5.6	60	5.7	59	
16	2121120267	Nguyễn Phương Trinh	15/09/2003	CCQ2112H	209	Trinh	5.7	Trinh	2.8	43	6.5	52	
17	2123190117	Vì Đăng Đức Trọng	20/05/2005	CCQ2319C						CT	0.0	/	
18	2123190009	Nguyễn Lam Trường	24/05/2005	CCQ2319A	485	Trường	5.9	Trường	5.5	57	5.9	58	
19	2123190061	Bùi Thị Ngọc Tú	04/07/2005	CCQ2319B						CT	0.0	/	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

VT 16/27

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thu Huyền

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Nguyễn Hà Thanh Vân
Hồng Thăng Hoàng

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Trần Thị Thu

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

N. Loan

Môn học: Anh văn 1 (22400341)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: *21*

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: *21*

Phòng thi: B204

Số tờ giấy thi: *21*

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: *01/7/2024*

Số SV có mặt:

Giờ thi: *9h45*

Số bài thi:

Phòng thi: *D6-32*

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123190080	Nguyễn Minh Tú	08/06/2004	CCQ2319C	<i>209</i>	<i>tu</i>	<i>38</i>	<i>tu</i>	<i>5.3</i>	<i>46</i>	6,2	<i>52</i>	
21	2123190121	Phạm Quốc Tuấn	25/03/2005	CCQ2319C	<i>257</i>	<i>tuấn</i>	<i>85</i>	<i>tuấn</i>	<i>6.1</i>	<i>73</i>	9,2	<i>81</i>	
22	2123190026	Lâm Ngọc Tuyền	06/12/2005	CCQ2319A	<i>485</i>	<i>tuyen</i>	<i>72</i>	<i>tuyen</i>	<i>7.5</i>	<i>74</i>	6,9	<i>72</i>	
23	2123190046	Đặng Nữ Ngọc Út	16/05/2005	CCQ2319B	<i>132</i>	<i>ngocut</i>	<i>75</i>	<i>ngocut</i>	<i>7.3</i>	<i>74</i>	9,1	<i>81</i>	
24	2123190073	Lê Thị Như Ý	22/07/2005	CCQ2319C	<i>209</i>	<i>y</i>	<i>67</i>	<i>y</i>	<i>4.5</i>	<i>56</i>	8,2	<i>66</i>	
25	2123190044	Huỳnh Thị Kim Yến	05/01/2005	CCQ2319B	<i>357</i>	<i>y</i>	<i>71</i>	<i>yen</i>	<i>5.1</i>	<i>61</i>	9,3	<i>74</i>	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400339)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B205

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D5-27

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122170389	Nguyễn Tuấn Kiệt	29/11/2004	CCQ2217J	209	Kiet	6,0	Kiet	7,0	6,5	7,5	6,9	
2	2123100090	Lương Thị Thủy	05/10/2004	CCQ2310C	357	Thuy	7,0	Thuy	8,0	7,5	8,8	8,0	
3	2123100098	Phan Thị Bích	20/08/2005	CCQ2310C	209	Bich	6,1	Bich	4,3	5,2	8,2	6,4	
4	2123110521	Nguyễn Hoàng Lâm	27/01/2005	CCQ2311M	132	Lam	9,2	Lam	8,1	8,7	9,7	9,1	
5	2123100078	Lê Thị Mỹ Linh	14/02/2005	CCQ2310C	209	Linh	6,5	Linh	5,4	6,0	8,8	7,1	
6	2122100331	Nguyễn Thị Thuý	12/02/2004	CCQ2210F	357	Thuy	8,3	Thuy	6,5	7,4	8,2	7,7	
7	2123100072	Trương Ngọc Nhi	20/07/2005	CCQ2310C	485	Nhi	3,4	Nhi	3,2	3,3	5,2	4,1	
8	2123110509	Thái Vĩnh Phú	29/07/2005	CCQ2311M	132	Phu	8,8	Phu	7,6	8,2	9,1	8,6	
9	2122170373	Lưu Hoài Phúc	10/09/2004	CCQ2217J	357	Phu	6,4	Phu	2,0	4,2	8,9	6,1	
10	2123110510	Trần Đăng Phúc	16/08/2005	CCQ2311M	209	Phu	7,1	Phu	6,7	6,9	8,1	7,4	
11	2123100094	Võ Thị Trúc	22/12/2005	CCQ2310C	485	Truc	5,3	Truc	3,4	4,4	8,6	6,1	
12	2123110494	Trần Ngọc Quang	23/11/2004	CCQ2311M						CT	0,0		
13	2123100226	Đinh Thị Như Quỳnh	21/10/2002	CCQ2310C	209	Quynh	7,3	Quynh	7,3	7,3	8,5	7,8	
14	2123100077	Nguyễn Ánh Sương	15/08/2005	CCQ2310C	357	Suong	6,1	Suong	3,5	4,8	6,2	5,4	
15	2122170381	Châu Khánh Tân	19/04/2004	CCQ2217J	485	Tan	3,3	Tan	0,7	2,0	5,4	3,4	
16	2123110485	Nguyễn Văn Thắng	13/02/2005	CCQ2311M	132	Thang	6,4	Thang	4,6	5,5	7,2	6,2	
17	2123110490	Đỗ Thị Mỹ Thi	21/11/2005	CCQ2311M	209	Thi	5,3	Thi	7,4	6,4	8,5	7,2	
18	2123110493	Võ Đình Thiện	10/05/2004	CCQ2311M						CT	0,0		
19	2123110492	Võ Đình Thiệt	10/05/2004	CCQ2311M						CT	0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400339)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 19

Phòng thi: B205

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/8/2024

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D5-27

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123100073	Phạm Hoài	Thương	25/03/2005	CCQ2310C	132		7,5		5,2	6,4	8,4	7,0	
21	2123100079	Lê Nguyễn Quỳnh	Trâm	04/06/2003	CCQ2310C						CT	0,0		
22	2123100101	Nguyễn Thị Huyền	Trang	08/02/2005	CCQ2310C	354		7,8		7,2	7,5	9,8	8,4	
23	2123110507	Nguyễn Quốc	Triệu	06/09/2005	CCQ2311M	132		4,2		4,9	4,6	6,5	5,4	
24	2123110516	Lê An Phú	Vĩ	27/10/2004	CCQ2311M						CT	0,0		

Cán bộ coi thi 1:
Cán bộ coi thi 2:
G. Viên chấm thi 1 Môn Viết:
G. Viên chấm thi 2 Môn Viết:
G. Viên chấm thi 1 Môn Văn đáp:
G. Viên chấm thi 2 Môn Văn đáp:
T. Tuấn:
Trần Thị Ái Hường:

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400337)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B206

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123110333	Bùi Thị Thảo	25/08/2003	CCQ2311J							0,0	0,0	
2	2123100124	Trần Thị Thanh	08/07/2005	CCQ2310D	367		4,5		4,5	4,5	7,8	5,8	
3	2123100116	Trương Thị Mỹ	03/12/2005	CCQ2310D	132	Mao	4,6	Có thi	3,1	3,9	4,9	4,3	
4	2123110320	Văn Thi	15/01/2005	CCQ2311I	357		5,2		3,9	4,6	8,0	6,0	
5	2123110325	Quách Minh	28/11/2005	CCQ2311J	132	Thống	8,1	Thống	5,7	6,9	8,8	7,7	
6	2123100135	Võ Thị Ngọc	04/08/2005	CCQ2310D	209	Thu	7,2	Thu	7,8	7,5	8,9	8,1	
7	2123100128	Lê Thị Thuý	01/03/2005	CCQ2310D	483	Thuý	5,0	Thuý	6,8	5,9	6,0	5,9	
8	2123110343	Lương Trung	28/07/2005	CCQ2322C							3,8		
9	2123110361	Trần Văn	09/11/2002	CCQ2311J	485	Ênh	6,7	Ênh	5,0	5,9	8,3	6,9	
10	2123110340	Mai Thị	09/12/2005	CCQ2311J	209	Trang	5,1	Trang	4,6	4,9	8,4	6,3	
11	2123100120	Trương Vũ Huyền	03/03/2005	CCQ2310D	357	Trang	5,1	Trang	6,8	6,0	7,6	6,6	
12	2123110335	Nguyễn Minh	28/04/2005	CCQ2311J	132	Trang	6,5	Trang	6,0	6,3	8,5	7,2	
13	2123100108	Nguyễn Thị Trúc	25/08/2005	CCQ2310D	357	Trúc	6,6	Trúc	5,4	6,0	8,8	7,1	
14	2123100137	Phùng Thanh	29/06/2005	CCQ2310D	132	Trúc	6,9	Trúc	5,8	6,4	8,7	7,3	
15	2123110352	Trần Bá	12/08/2005	CCQ2311I	357		5,6		4,0	4,8	8,1	6,1	
16	2123100127	Nguyễn Thị Thùy	11/03/2005	CCQ2310D	485	Vân	7,4	Vân	4,0	5,7	8,2	6,7	
17	2123110337	Trần Văn	07/01/2005	CCQ2311J	209	Thư	5,6	Thư	4,8	5,2	8,0	6,3	
18	2123110358	Đặng Quốc	18/12/2005	CCQ2311J	685		8,8		7,3	8,1	8,4	8,2	
19	2123110350	Nguyễn Thanh	14/11/2005	CCQ2311J	209	Vu	8,5	Vu	7,9	8,2	9,0	8,5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

15

C.Thu

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400337)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B206

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45

Số bài thi:

Phòng thi: D5-29

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123100109	Phạm Thị Như	Yến	12/08/2005	CCQ2310D	u g S	Yến	4.7	6 Thi	1.6	32	4,9	39	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400328)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B207

Số SV có mặt: 13

Số bài thi: 13

Số tờ giấy thi: 13

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 13

Số bài thi: 13

Số tờ giấy thi: 13

Đ: 09

H: 04

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123270171	Phạm Thị Quyên	27/03/2004	CCQ2327E						CT	0,0	0,0	
2	2123030238	Trần Đình Quyền	04/01/2004	CCQ2303G						CT	0,0	0,0	
3	2123030056	Trương Quang Tây	18/02/2005	CCQ2303B	132	Tây	4,1	Tây	0	2,1	5,6	3,5	
4	2123270156	Trần Quốc Thái	12/02/2002	CCQ2327E							4,8		
5	2123270166	Văn Thôn Thấu	05/05/2000	CCQ2327E						CT	0,0	0,0	
6	2123270158	Nguyễn Minh Thư	20/09/2005	CCQ2327E	357	Thư	7,5	Thư	7,8	7,7	7,8	7,7	
7	2123270164	Thành Minh Thư	08/11/2004	CCQ2327E							6,1		
8	2123030040	Bùi Ngọc Tiên	28/08/2004	CCQ2303B	132	Tiên	5,4	Tiên	0	2,7	6,8	4,3	
9	2123030054	Phan Đình Tiên	22/07/2005	CCQ2303B	209	Tiên	3,6	Tiên	4,4	4,0	7,2	5,3	
10	2123030046	Nguyễn Bảo Toàn	27/08/2005	CCQ2303B	357	Toàn	3,3	Toàn	4,4	3,9	6,0	4,7	
11	2123310009	Đinh Hoàng Uyên	03/06/2005	CCQ2331A						CT	0,0	0,0	
12	2123030057	Đặng Văn Trường	02/04/2005	CCQ2303B	485	Trường	4,2	Trường	5,2	4,7	8,4	6,2	
13	2123310025	Phan Ngọc Thanh Tuyền	27/03/2004	CCQ2331A	132	Tuyền	9,1	Tuyền	7,8	8,5	9,0	8,7	
14	2123310032	Nhữ Thị Thu Uyên	22/08/2002	CCQ2331A	209	Uyên	7,6	Uyên	7,3	7,5	9,6	8,3	
15	2123030044	Đỗ Bảo Văn	26/09/2005	CCQ2303B						CT	0,0	0,0	
16	2123270152	Huỳnh Trường Vĩ	20/04/2005	CCQ2327E	357	Vĩ	4,7	Vĩ	3,7	4,2	8,7	6,0	
17	2123030255	Lê Quốc Việt	14/04/2004	CCQ2303B	485	Việt	3,2	Việt	0	1,6	6,2	3,4	
18	2123030072	Hà Văn Vinh	04/05/2005	CCQ2303B	132	Vinh	4,6	Vinh	6,4	5,5	5,9	5,7	
19	2123030069	Nguyễn Hoàng Vũ	01/05/2005	CCQ2303B	209	Vũ	5,2	Vũ	5,0	5,1	7,1	5,9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400328)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 13

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 13

Phòng thi: B207

Số tờ giấy thi: 13

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Số SV có mặt: 13

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 13

Phòng thi: D5-28

Số tờ giấy thi: 13

Cán bộ coi thi 1

Lotho Han

Cán bộ coi thi 2

Minh Nguyen

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

Phạm Văn Mạnh

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

Phạm Văn Mạnh

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

Phạm Văn Mạnh

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Phạm Văn Mạnh

C. Hương

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123310026	Lê Ngọc Xuân	23/09/2005	CCQ2331A	357	<i>Xuan</i>	9,1	<i>Xuan</i>	7,7	8,4	9,5	8,8	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 17
H: 02

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Nguyễn Thị Ngọc

Như
Nương Thị Kim Chi

P.T. Thm

N. N. châu

Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Thị Ngọc

Trần Thị Ngọc

C. Châu

Môn học: Anh văn 1 (22400327)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 19

Phòng thi: B208

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 19

Phòng thi: D5-27

Số tờ giấy thi: 19

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123270119	Phan Trà My	08/11/2005	CCQ2327D						CT	0,0		
2	2123270118	Trịnh Ai Nghĩa	08/10/2004	CCQ2327D						CT	0,0		
3	2122140022	Nguyễn Hồng Ngọc	03/11/2003	CCQ2214A	209	Ngọc	4.9	Ngọc	6,1	5.5	7,6	6.3	
4	2123270103	Nguyễn Thị Kim	18/01/2005	CCQ2327C	132	Kim	8.1	Kim	6,6	7.4	5,8	6.8	
5	2123270101	Trần Thị Quỳnh	30/11/2005	CCQ2327C	485	Quỳnh	5.7	Quỳnh	4,7	5.2	7,1	6.0	
6	2123270116	Nguyễn Trang Nhung	15/02/2005	CCQ2327D	357	Nhung	6.6	Nhung	5,7	6.2	7,7	6.8	
7	2123270081	Phạm Ngọc Phấn	31/07/2005	CCQ2327C	209	Phan	6.4	Phan	6,4	6.4	7,8	7.0	
8	2122170141	Nguyễn Duy Quang	22/05/2004	CCQ2217D	485	Quang	7.4	Quang	4,3	5.9	5,6	5.8	
9	2121210095	Nguyễn Thị Bích Qui	02/05/2003	CCQ2121C	132	Bích	4.0	Bích	5,2	4.6	7,2	5.6	
10	2123270090	Đào Kim Quyên	21/07/2005	CCQ2327C	485	Quyên	7.7	Quyên	4,7	6.2	6,7	6.4	
11	2123270129	Đỗ Trọng Tài	05/04/2004	CCQ2327D	357	Tài	5.0	Tài	0,0	2.5	5,5	3.7	
12	2123270074	Đoàn Ngọc Thắng	05/05/2005	CCQ2327C	209	Thắng	4.9	Thắng	6,2	5.6	7,2	6.2	
13	2123270146	Nguyễn Văn Thành	13/04/2005	CCQ2327D						CT	0,0		
14	2122170118	Lê Nguyễn Trường Thịnh	22/02/2004	CCQ2217C	132	Trường	7.1	Trường	7,2	7.2	6,1	6.8	
15	2121210105	Lê Hồ Minh Thơ	21/11/2003	CCQ2121C	857	Thơ	7.8	Thơ	7,0	7.4	6,7	7.1	
16	2123270075	Phạm Văn Thuận	10/02/2005	CCQ2327C	132	Thuận	4.5	Thuận	4,6	4.6	5,0	4.8	
17	2122110551	Lê Thị Mỹ Tiên	18/06/2004	CCQ2211M	485	Mỹ	6.9	Mỹ	3,3	5.1	5,3	5.2	
18	2123270113	Võ Quang Tiến	20/07/2004	CCQ2327D						CT	0,0		
19	2121210107	Nguyễn Trần Tuyết Trâm	04/09/2003	CCQ2121C						CT	0,0		

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1
Nguyễn Thị Sao L.

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400327)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 19

Phòng thi: B208

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Số SV có mặt:

Giờ thi: 14h45

Số bài thi:

Phòng thi: D5-27

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123270094	Lê Thùy Huyền	Trang	22/06/2005	CCQ2327C	357	Trang	5.8	Trang	6.9	6.4	7.2	6.7	
21	2123270091	Hồ Thị Ngọc	Tuyết	01/09/2004	CCQ2327C						0	0.0		
22	2122110368	Dương Sĩ	Vinh	01/06/2004	CCQ2211J	209	Vinh	4.0	Vinh	6.2	5.1	7.3	6.0	
23	2123270144	Ngô Thế	Vinh	09/05/2005	CCQ2327D	192	Vinh	7.8	Vinh	5.1	6.5	6.0	6.3	
24	2123270131	Dương Văn	Vũ	15/09/2005	CCQ2327D	485	Vũ	4.2	Vũ	6.6	5.4	7.6	6.3	
25	2123270126	Nguyễn Lâm	Vũ	02/01/2005	CCQ2327D	209	Vũ	6.7	Vũ	4.3	5.5	7.9	6.5	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 16
H: 2

18
T. Mạnh

Môn học: Anh văn 1 (22400326)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B209

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 12

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123270065	Nguyễn Tín Phát	18/11/2005	CCQ2327B							2,8		
2	2123120270	Trần Đình Phương	22/01/2001	CCQ2312E							0,0		
3	2123270069	Trần Hoàng Phương	12/11/2004	CCQ2327B	357		7,0		7,0	7,0	8,4	7,6	
4	2123120276	Trần Đăng Quang	16/06/2004	CCQ2312E	209	Quang	4,3	Quang	6,5	5,4	5,8	5,6	
5	2123120252	Lê Trần Nhã Quyên	15/12/2005	CCQ2312E	357	Quyên	6,0	Quyên	6,3	6,2	8,5	7,1	
6	2123120257	Nguyễn Nhật Mai Quyên	02/10/2005	CCQ2312E	209	Quyên	6,8	Quyên	6,5	6,7	6,9	6,8	
7	2123270054	Nguyễn Thanh Thảo	28/06/2004	CCQ2327B	485	Thao	6,9	Thao	9,5	8,2	9,3	8,6	
8	2123270051	Nguyễn Thị Thanh Thảo	27/10/2005	CCQ2327B	132	Thao	7,5	Thao	8,4	8,0	8,1	8,0	
9	2123270035	Nguyễn Thị Thuý	26/10/2005	CCQ2327A	485	Thuy	7,9	Thuy	5,5	6,7	8,4	7,4	
10	2123270039	Nguyễn Thị Ngọc Thùy	12/11/2005	CCQ2327B	132	Thuy	6,0	Thuy	9,0	7,5	8,3	7,8	
11	2123270016	Nguyễn Văn Tiến	15/03/2005	CCQ2327A							1,7		
12	2123270023	Lê Thị Thuý Trâm	20/06/2005	CCQ2327A	132	Tram	7,0	Tram	7,4	7,2	8,2	7,6	
13	2123270012	Bùi Thị Huỳnh Trang	17/08/2005	CCQ2327A	132	Trang	6,1	Trang	8,3	7,2	8,5	7,8	
14	2123270058	Nguyễn Thị Ngọc Trang	03/05/2005	CCQ2327B	465	Trang	7,7	Trang	7,4	7,6	7,8	7,7	
15	2123120237	Phạm Tuấn	06/11/2005	CCQ2312E							0,0		
16	2123270055	Hoàng Thái Tuấn	21/03/2005	CCQ2327B	485	Tuan	5,3	Tuan	6,5	5,9	8,0	6,7	
17	2123120680	Nguyễn Trần Anh Tuấn	09/10/2005	CCQ2312E	132	Tuan	9,4			10	5,2	2,1	
18	2122200175	Phan Thị Thanh Tuyền	12/08/2004	CCQ2220F	200	Thuy	7,2	Thuy	7,4	7,3	9,3	8,1	
19	2123270111	Đàng Quang Vinh	23/12/2004	CCQ2327B	357	Vinh	4,4	Vinh	2,5	9,5	4,9	4,1	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400326)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B209

Số SV có mặt: 18

Số bài thi: 18

Số tờ giấy thi: 18

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D5-30

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Phúc

Trần Lê Hoàng

T.S. Trần Thị Ai Hương

Phạm Văn Hải

Phạm Văn Hải

T. Mạnh

18

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123120250	Hà Thị Thảo Vy	08/04/2005	CCQ2312E	209	Vy	6,4	Vy	6,7	6,6	7,3	6,9	
21	2123270021	Hồ Thảo Vy	17/03/2005	CCQ2327A	357	Vy	7,2	Vy	7,5	7,4	8,9	8,0	
22	2123270033	Nguyễn Yến Vy	29/04/2005	CCQ2327A	209	Vy	8,1	Vy	9,0	8,6	8,8	8,7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400323)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B301

Số SV có mặt: 19

Số bài thi: 19

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D5-26

Đ. 15
h. C4

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Đ. 15
h. C4

Đ. 15
h. C4

Nguyễn Hà Thanh Vân
Hồng Thăng Hoàng

Phạm Văn Mai

Phạm Văn Mai

T. Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123200700	Phan Thị Kim	Sang	10/11/2003	CCQ2320G	209	Sang	6,7	Sang	7,0	6,9	6,0	6,5	
2	2123200338	Huỳnh Thị	Tài	20/08/2004	CCQ2320D	257	Tài	5,2	Tài	5,7	5,5	6,6	5,9	
3	2123200339	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/05/2005	CCQ2320D	485	Thảo	4,2	Thảo	7,0	5,6	6,3	5,9	
4	2123030226	Nguyễn Trung	Thiện	11/02/2005	CCQ2303G	132	Thien	5,2	Thien	3,2	4,2	5,8	4,8	
5	2123200275	Nguyễn Trường	Thọ	24/07/2005	CCQ2320C	132	tho	7,5	tho	6,9	7,2	6,0	6,7	
6	2122110357	Nguyễn Hoàng	Thông	30/07/2004	CCQ2211I	209	tho	4,6	tho	6,5	5,6	6,4	5,9	
7	2123200236	Bùi Anh	Thư	26/11/2005	CCQ2320C	357	Thư	7,3	Thư	6,5	6,9	7,5	7,1	
8	2123200322	Trần Thị Thanh	Thủy	08/12/2005	CCQ2320D	485	Thủy	6,7	Thủy	5,2	6,0	6,7	6,3	
9	2123200200	Hồ Nguyễn Bảo	Trần	10/03/2005	CCQ2320C	132	Trần	4,4	Trần	4,0	4,2	6,0	4,9	
10	2123200207	Nguyễn Ngọc Khánh	Trang	04/01/2005	CCQ2320C							0,0		
11	2123200221	Trần Thị Thu	Trang	02/04/2004	CCQ2320C	485	Trang	6,2	Trang	1,0	3,6	5,9	4,5	
12	2123200381	Đặng Lê Ngọc	Tri	16/05/2005	CCQ2320D	132	Tri	5,9	Tri	4,5	5,2	5,4	5,3	
13	2123200676	Nguyễn Minh	Tri	16/06/2005	CCQ2320G	357	Tri	5,2	Tri	5,7	5,0	6,0	5,7	
14	2123030229	Trương Minh	Tri	14/04/2005	CCQ2303G	209	Tri	6,9	Tri	5,2	6,1	6,0	6,1	
15	2123200496	Mai Công	Tron	21/12/2005	CCQ2320C							0,0		
16	2123200716	Hồ Thị Ánh	Tuyết	25/06/2005	CCQ2320G	209	Tuyet	7,6	Tuyet	5,4	6,5	6,0	6,3	
17	2123200325	Mai Thị	Út	11/11/2005	CCQ2320D	485	Ut	5,6	Ut	7,0	6,3	6,0	6,2	
18	2123200385	Lê Văn	Việt	06/10/2003	CCQ2320D	209	Vn	4,5	Vn	5,8	5,2	5,5	5,3	
19	2123200254	Đào Thị Yến	Vy	06/12/2005	CCQ2320C	485	Vy	5,9	Vy	7,1	6,5	6,2	6,4	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400323)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 19

Phòng thi: B301

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 19

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 19

Đ. Ph. Nam

T. T. L.

Nguyễn Hà Thanh

Thăng Hoàng

Phạm Văn Mạnh

Phường Thị Hà

19
T. Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123200312	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	24/08/2005	CCQ2320D	132		7,3		6,5	6,2	6,7	6,4	
21	2123200324	Nguyễn Ngọc Thủy	Vy	25/11/2005	CCQ2320D	209		4,5		4,5	3,0	6,0	4,2	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viễn chấm thi 1
Môn Viết

G.Viễn chấm thi 2
Môn Viết

G.Viễn chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viễn chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400320)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B302

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D5-28

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

N.T. Phung

Nguyễn Hà Thanh Kỳ

Nguyễn Hà Thanh Kỳ

Phạm Thị Hằng

Nguyễn Thị Hằng

T. Hoàng

Nguyễn Thị Hằng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123200644	Phan Nguyễn Quỳnh Nhi	05/04/2005	CCQ2320G	209	Quỳnh	8.1	Quỳnh	6.5	7.3	7.8	7.5	
2	2123120398	Hồ Quốc Nhiên	20/06/2005	CCQ2312G	357	Nhiên	3.3	Nhiên	4.4	3.9	7.2	5.2	
3	2123120355	Mai Nhật Phú	08/01/2005	CCQ2312G	485	Phú	5.2	Phú	5.5	5.4	8.1	6.5	
4	2123180122	Nguyễn Tấn Phú	07/01/2005	CCQ2318A	132	Phú	5.9	Phú	8.4	7.2	6.8	7.0	
5	2123120431	Bùi Đình Phúc	30/03/2005	CCQ2312H	209	Phúc	6.7	Phúc	6.5	6.6	7.2	6.8	
6	2123120403	Trương Mai Phương	15/09/2005	CCQ2312G	357	Phương	5.0	Phương	4.6	4.8	7.3	5.8	
7	2123120367	Nguyễn Thành Quý	25/09/2005	CCQ2312G	485	Quý	5.8	Quý	4.2	5.0	6.9	5.8	
8	2123120354	Nguyễn Huỳnh Thảo Quyên	29/05/2005	CCQ2312G	132	Quyên	5.4	Quyên	4.7	5.1	6.7	5.7	
9	2123200634	Huỳnh Nguyễn Diễm Quỳnh	25/08/2005	CCQ2320G	209	Quỳnh	6.5	Quỳnh	5.5	6.0	6.2	6.1	
10	2123120393	Trần Thị Như Quỳnh	26/06/2005	CCQ2312G	357	Quỳnh	6.5	Quỳnh	5.3	5.9	8.3	6.9	
11	2123120408	Bùi Thị Thanh Thảo	29/10/2005	CCQ2312H							0.0		
12	2123060192	Nguyễn Duy Thiên	03/05/2004	CCQ2306A	132	Thiên	4.4	Thiên	4.0	4.2	5.5	4.7	
13	2123100195	Huỳnh Thị Thúy	24/10/2005	CCQ2310F	209	Thúy	5.3	Thúy	8.1	6.7	6.5	6.6	
14	2123120401	Trần Ái Tinh	14/12/2005	CCQ2312G	357	Tinh	4.9	Tinh	5.4	5.2	5.8	5.4	
15	2123120415	La Thị Trang	23/04/2003	CCQ2312H	485	Trang	6.3	Trang	7.7	7.0	6.7	6.9	
16	2123120364	Nguyễn Thị Thùy Trang	20/03/2005	CCQ2312G	132	Trang	3.5	Trang	4.0	3.8	5.6	4.5	
17	2123120410	Vì Thị Thủy Trang	25/12/2005	CCQ2312H	209	Trang	4.2	Trang	5.8	5.0	6.0	5.4	
18	2122210053	Phan Quỳnh Thủy Tú	02/03/2004	CCQ2221E	357	Thủy Tú	5.5	Thủy Tú	4.6	5.1	6.2	5.5	
19	2123120435	Lê Anh Tuấn	30/06/2004	CCQ2312H	485	Tuấn	5.3	Tuấn	7.7	6.5	7.1	6.7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1
Môn Viết

G.Viên chấm thi 2
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

N.T. Phung

Nguyễn Thị Thanh Vân

Nguyễn Hà Thanh Vân

Hồng Thắm Hoàng Phung

N.W. Châu

T. Hoàng

Môn học: Anh văn 1 (22400320)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 22

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Số SV có mặt: 22

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 22

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 22

Phòng thi: B302

Số tờ giấy thi: 22

Phòng thi: D5-28

Số tờ giấy thi: 22

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123100196	Nguyễn Đoàn Phương	Uyên	18/05/2005	CCQ2310F	132	<i>Phung</i>	5.5	<i>Phung</i>	5.5	5.5	7.0	6.1	
21	2123100214	Đặng Thị Thanh	Vân	18/06/2005	CCQ2310F	209	<i>Vân</i>	6.2	<i>Vân</i>	8.4	7.3	6.8	7.1	
22	2123120440	Phạm Lê Trà	Vi	06/10/2005	CCQ2312H							0.0		
23	2123180007	Huỳnh Anh	Việt	04/01/2005	CCQ2318A	485	<i>Vy</i>	7.0	<i>Vy</i>	7.1	7.1	6.2	6.7	
24	2123120371	Trần Thị Thủy	Vy	27/04/2005	CCQ2312G	182	<i>Vy</i>	7.1	<i>Vy</i>	6.7	6.9	7.2	7.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Môn học: Anh văn 1 (22400319)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: B303

Số SV có mặt: 12

Số bài thi: 12

Số tờ giấy thi: 12

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 9h45

Phòng thi: D5-29

Số SV có mặt: 12

Số bài thi: 12

Số tờ giấy thi: 12

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1

Môn Viết

G. Viên chấm thi 2

Môn Viết

G. Viên chấm thi 1

Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2

Môn Văn đáp

Handwritten signature: Hồ Thị Ngọc

Handwritten signature: Nguyễn Thị Ngọc

Handwritten signature: Hoàng Thị Hoàng

Handwritten signature: Ng. H.T. Văn

Handwritten signature: Nguyễn Thị Ngọc

Handwritten signature: Ng. Hà Thanh Văn

C. Văn

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123120180	Trần Thu Ngân	13/08/2004	CCQ2312D	132	<i>Handwritten signature</i>	59	<i>Handwritten signature</i>	71	65	7,4	69	
2	2123120116	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	20/04/2005	CCQ2312C					CT	0,0	/	
3	2123120172	Phạm Thị Kim	Ngọc	19/07/2005	CCQ2312C	209	<i>Handwritten signature</i>	54	82	68	7,8	72	
4	2123120504	Phạm Hoài	Nhân	02/02/2005	CCQ2312D					CT	0,0	/	
5	2123120215	Bùi Hoàng Yến	Nhi	31/10/2005	CCQ2312D	357	<i>Handwritten signature</i>	64	42	53	7,4	61	
6	2123120198	Chu Thị Yến	Nhi	08/03/2005	CCQ2312D					CT	0,0	/	
7	2123120208	Huỳnh Văn	Phát	19/01/2005	CCQ2312D	485	Phat	55	54	55	7,8	64	
8	2123120151	Vũ Văn	Phát	28/09/2005	CCQ2312C	132	Phat	81	81	81	8,2	81	
9	2123120181	Phan Nguyễn Hoài	Phương	01/08/2005	CCQ2312D	209	<i>Handwritten signature</i>	73	82	78	8,3	80	
10	2123120182	Nguyễn Thành	Sang	02/07/2005	CCQ2312D					CT	0,0	/	
11	2123100200	Hồ Thị Hồng	Thắm	10/11/2005	CCQ2310E					<i>Handwritten signature</i>	5,7	23	
12	2123120194	Phan Tấn	Thành	02/08/2004	CCQ2312D					CT	2,6	1,0	
13	2123120115	Đoàn Nguyễn Xuân	Thao	19/10/2005	CCQ2312C					CT	0,0	/	
14	2123120191	Nguyễn Thị Ánh	Thi	19/12/2005	CCQ2312D	357	<i>Handwritten signature</i>	72	79	76	6,8	73	
15	2123120179	Giảng Thị Anh	Thư	30/04/2005	CCQ2312D	209	<i>Handwritten signature</i>	88	80	84	7,4	80	
16	2123120119	Phan Hữu	Tinh	25/10/2004	CCQ2312C					<i>Handwritten signature</i>	2,4	1,0	
17	2123120217	Trần Thị Ngọc	Trâm	23/11/2005	CCQ2312D					CT	0,0	/	
18	2123120134	Nguyễn Hồ Bảo	Trần	19/02/2005	CCQ2312C	485	<i>Handwritten signature</i>	80	86	83	8,6	84	
19	2123120214	Lư Nóng Minh	Triều	07/01/2005	CCQ2312D	357	<i>Handwritten signature</i>	71	75	73	7,1	72	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400319)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 12

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 12

Phòng thi: B303

Số tờ giấy thi: 42

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Số SV có mặt: 12

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 12

Phòng thi: D5-29

Số tờ giấy thi: 12

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123120153	Nguyễn Văn Trọng	19/07/2004	CCQ2312C						CT	0,0	/	
21	2123120139	Nguyễn Thị Thanh	12/07/2004	CCQ2312C						CT	0,0	/	
22	2123120203	Đinh Hoàng	01/03/2005	CCQ2312D						CT	0,0	/	
23	2123120210	Võ Anh Tuấn	07/02/2005	CCQ2312D	465	Tuân	56	Tuân	50	53	7,3	61	
24	2123120143	Võ Thị Ánh Vy	17/03/2005	CCQ2312C	132	Vy	57	Vy	82	70	7,0	70	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400316)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: A304

Số SV có mặt: 15

Số bài thi: 15

Số tờ giấy thi: 15

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Giờ thi: 14h45

Phòng thi: D6-32

Số SV có mặt: 15

Số bài thi: 15

Số tờ giấy thi: 15

Đ: 11

H: 04

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2122050090	Trần Văn Quyền	02/10/2004	CCQ2205C	132	Quyền	4.3	Quyền	6.6	5.5	7.6	6.3	
2	2123170364	Kiều Ngọc Sang	18/01/2005	CCQ2317K	485	Sang	4.8	Sang	6.3	5.6	5.9	5.7	
3	2123170365	Trần Phúc Tấn	19/11/2005	CCQ2317K	485	Tấn	4.1	Tấn	3.8	4.0	5.9	4.8	
4	2123170366	Nguyễn Ngọc Thắng	11/11/2005	CCQ2317K	357	Thắng	5.4	Thắng	5.8	5.6	6.5	6.0	
5	2123180052	Ngô Văn Thành	17/07/2004	CCQ2318B							1.9		
6	2123170369	Nguyễn Đình Thành	21/07/2005	CCQ2317K	132	Thành	3.6	Thành	5.8	4.7	5.8	5.1	
7	2122050051	Tô Đình Thành	18/06/2004	CCQ2205B	357	Thành	7.0	Thành	7.1	7.1	8.5	7.7	
8	2123170368	Trần Ngọc Thiên	20/11/2004	CCQ2317K	209	Thiên	5.6	Thiên	0.0	2.8	7.9	4.8	
9	2123170415	Nguyễn Minh Thiện	04/11/2005	CCQ2317L	485	Thiện	4.7	Thiện	3.7	4.2	5.8	4.8	
10	2123170359	Nguyễn Thanh Thoáng	19/04/2005	CCQ2317K	357	Thoáng	4.3	Thoáng	2.2	3.3	7.0	4.8	
11	2122100066	Nguyễn Thanh Thủy	18/04/2004	CCQ2210B	132	Thủy	7.1	Thủy	7.7	7.4	8.4	7.8	
12	2123170416	Nguyễn Minh Trục	16/06/2005	CCQ2317L	209	Trục	6.4	Trục	6.6	6.5	6.3	6.4	
13	2122110577	Lê Minh Tuấn	04/04/2004	CCQ2211N	209	Tuấn	7.6	Tuấn	6.8	7.2	8.1	7.6	
14	2123170377	Lê Văn Tuấn	21/02/2005	CCQ2317K	357	Tuấn	6.2	Tuấn	5.0	5.6	8.1	6.6	
15	2123180071	Long Thanh Tuấn	27/12/2005	CCQ2318B							1.4		
16	2123170402	Nguyễn Anh Tuấn	21/02/2005	CCQ2317L							3.2		
17	2123170414	Lê Xuân Vinh	04/09/2005	CCQ2317L	132	Vinh	7.0	Vinh	4.3	4.2	6.9	5.3	
18	2123170363	Lê Quang Vương	18/08/2005	CCQ2317K	485	Vương	6.2	Vương	5.3	5.8	6.3	6.0	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi
Môn Viết

G.Viên chấm thi
Môn Viết

G.Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G.Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400315)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 49

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 10

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 10

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 10

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170284	Nguyễn Lê Thanh	Phi	11/03/2005	CCQ2317I	209	Phi	4,9	Phi	4,0	4,5	6,5	5,3	
2	2121030114	Trương Ngọc	Phiếu	20/10/2003	CCQ2103D							0,0		✓
3	2123170347	Đỗ Văn	Quang	09/08/2005	CCQ2317J	209	Quang	5,6	Quang	3,5	4,6	5,5	5,0	
4	2123170012	Sỹ Nhật	Quý	01/01/2004	CCQ2317A	132	Quý	7,9	Quý	6,6	7,3	8,8	7,9	
5	2123170282	Trần Nguyễn Thành	Tài	22/12/2005	CCQ2317I	209	Tài	4,4	Tài		0,0	4,5	1,8	
6	2123170291	Nguyễn Xuân	Tâm	09/07/2005	CCQ2317I							0,0		✓
7	2123170325	Nguyễn Võ Văn	Thân	24/01/2005	CCQ2317J	357	Thân	7,5	Thân	6,8	7,2	9,2	8,0	
8	2123170319	Lê Trung	Thắng	29/07/2005	CCQ2317J							0,0		✓
9	2123170298	Nguyễn Hữu	Thắng	27/11/2005	CCQ2317I	357	Thắng	6,1	Thắng	5,8	6,0	8,0	6,8	
10	2123170285	Nguyễn Trần Quốc	Thắng	08/11/2005	CCQ2317I	485	Thắng	7,5	Thắng	3,0	5,3	5,2	5,3	
11	2123170340	Ngô Quang	Thành	01/01/2005	CCQ2317J	357	Thành	8,2	Thành	7,1	7,7	7,2	7,5	
12	2123170304	Nguyễn Phước	Thịnh	14/03/2004	CCQ2317I	485	Thịnh	7,5	Thịnh	4,0	5,8	5,9	5,8	
13	2123170312	Nguyễn Minh	Thọ	23/06/2005	CCQ2317I	485	Thọ	4,5	Thọ	3,2	3,9	7,7	5,4	
14	2123170315	Nguyễn Phước	Thuận	17/06/2005	CCQ2317I	357	Thuận	4,0	Thuận	5,3	4,7	7,1	5,7	
15	2122100042	Ta Thanh	Thương	03/06/2004	CCQ2210B	485	Thương	8,7	Thương	7,4	8,1	8,5	8,3	
16	2123170324	Đào Ngọc	Tri	05/01/2005	CCQ2317J	357	Tri	4,9	Tri	6,4	5,7	6,5	6,0	
17	2123170346	Vô Phi	Triết	30/06/2005	CCQ2317J	485	Triết	7,5	Triết	3,2	5,4	6,3	5,8	
18	2123170313	Nguyễn Đăng	Triệu	03/05/2005	CCQ2317I	357	Triệu	8,2	Triệu	4,6	6,4	8,0	7,0	
19	2121180029	Nguyễn Minh	Trọng	09/10/2003	CCQ2118A							0,0		✓

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

P. V. Binh

Cán bộ coi thi 2

Đào Thanh Sơn

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

Lê Đình Quốc

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

h T. Nam

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Le Thanh Phat

C. Hoa

23

Môn học: Anh văn 1 (22400315)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 19

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 19

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 19

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/2024

Số SV có mặt: 18

Giờ thi: 9h45

Số bài thi: 18

Phòng thi: D5-26

Số tờ giấy thi: 18

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123170322	Lê Đình Quốc	Tuấn	26/08/2005	CCQ2317J	209		6,0		4,0	5,0	5,5	5,2	
21	2123170297	Lê Thanh	Tuấn	17/08/2005	CCQ2317I	132		5,6		0	2,8	4,6	3,5	
22	2123170350	Thái Anh	Tùng	13/10/2005	CCQ2317J	209		5,4		5,7	5,6	7,1	6,2	
23	2122110485	Nguyễn Đại	Vệ	28/10/2002	CCQ2211L	132		6,2		4,4	5,3	7,8	6,3	

24

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Đ: 11
H: 03

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400314)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 14

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 14

Phòng thi: DS-27

Số tờ giấy thi: 14

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/7/24

Số SV có mặt: 14

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 14

Phòng thi: DS-30

Số tờ giấy thi: 14

2 người
Trần Thị Ngọc Anh

Ng. Đ. Khoa

Trần Thị Ngọc Anh

Trần Thị Ngọc Anh

Ng. Hà Thanh Văn

Ng. T. P. Linh

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
							Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
1	2123170246	Phạm Hoàng	Phi	07/03/2005	CCQ2317H	132		6.2		6.0	6.1	7.6	6.7	
2	2123170259	Dương Sĩ	Phon	14/02/2005	CCQ2317H	485	Phon	7.7	Phon	8.3	8.0	9.2	8.5	
3	2123170267	Phạm Văn	Phong	25/04/2004	CCQ2317H						CT	0.0		
4	2121170628	Phan Thanh	Phong	29/10/2003	CCQ2117R	485	Phong	5.2	Phong	7.5	6.4	8.6	7.3	
5	2123170277	Cù Thanh	Phúc	14/06/2005	CCQ2317H						CT	0.0		
6	2123170238	Nguyễn Đức	Tài	05/06/2005	CCQ2317G	209	Tài	4.0		0.0	2.0	7.0	4.0	
7	2123170232	Nguyễn Tấn	Tài	22/08/2005	CCQ2317G	209	Tài	5.2	Tài	6.0	5.6	6.2	5.8	
8	2123170272	Nguyễn Đăng	Thắng	29/06/2004	CCQ2317H						CT	0.0		
9	2123170254	Nguyễn Hoàng Gia	Thiên	31/03/2005	CCQ2317H	357		5.4		7.6	6.5	7.8	7.0	
10	2123170263	Nguyễn Hữu	Thiên	02/06/2005	CCQ2317H	209		7.2		0.0	3.6	6.8	4.9	
11	2123170279	Nguyễn Tấn	Thọ	01/10/2005	CCQ2317H	357	Thọ	4.6	Thọ	0.0	2.3	4.3	3.1	
12	2123170241	Nguyễn Thanh	Tiến	07/11/2005	CCQ2317G						CT	0.0		
13	2123170228	Trần Quốc	Toàn	07/03/2005	CCQ2317G	485	Toàn	5.5	Toàn	7.6	6.6	8.8	7.5	
14	2123170258	Nguyễn Hữu	Trung	16/04/2005	CCQ2317H	132	Trung	4.5	Trung	6.7	5.6	8.6	6.8	
15	2123170234	Nguyễn Thái	Trương	06/09/2005	CCQ2317G	485	Trương	7.0	Trương	7.7	7.4	8.5	7.8	
16	2123170271	Phạm Văn	Tư	03/07/2005	CCQ2317H						Vai	0.0		
17	2123170225	Trần Châu Gia	Viễn	18/10/2005	CCQ2317G	132		5.7		4.7	5.2	6.4	5.7	
18	2123170242	Nguyễn Ngọc	Vinh	18/10/2005	CCQ2317G	357	Vinh	2.3	Vinh	5.1	3.7	7.5	5.2	
19	2123170235	Lê Hoàng	Vũ	04/08/2005	CCQ2317G	209	Vũ	6.6	Vũ	6.1	6.4	7.0	6.6	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G. Viên chấm thi 1
Môn Viết

G. Viên chấm thi 2
Môn Viết

G. Viên chấm thi 1
Môn Văn đáp

G. Viên chấm thi 2
Môn Văn đáp

Môn học: Anh văn 1 (22400314)

- Thi Viết:

Ngày thi: 01/07/2024

Số SV có mặt: 14

Giờ thi: 7g30

Số bài thi: 14

Phòng thi: D5-27

Số tờ giấy thi: 14

- Thi Văn đáp:

Ngày thi: 01/07/24

Số SV có mặt: 14

Giờ thi: 14h45

Số bài thi: 1

Phòng thi: D5-30

Số tờ giấy thi: 1

Trần Anh Tuấn

Ng. Đ. Kh.

Trần T. Anh

Trần T. Anh

Ng. H. Thanh

Ng. T. P. Linh

24
C. Thảo

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Viết (50%)		Văn đáp (50%)		Điểm Thi (60%)	Điểm QT (40%)	Điểm HP	Ghi chú
						Chữ ký SV	Điểm	Chữ ký SV	Điểm				
20	2123170261	Lê Trần Anh Vũ	10/08/2005	CCQ2317H							0,0		